Ký bởi: Sở Y tế
Cơ quan: Tỉnh Hà Nam
Thời gian ký: 23/08/2024 08:58:54

*Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính*

**Đơn vị: Sở Y tế tỉnh Hà Nam**
**Chương: 423**

# DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024

*(Kèm theo Quyết định số 1014/QĐ-SYT ngày 23/8/2024 của Sở Y tế tỉnh Hà Nam)*

*Đơn vị tính: đồng.*

| STT | Nội dung | Tổng số được giao | Tổng số đã phân bổ | Văn phòng SYT | Chi cục DSKHHGĐ |
|---|---|---|---|---|---|
| **A** | **Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí** | | | | |
| **II** | **Chi từ nguồn thu phí được để lại** | | | | |
| **III** | **Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước** | | | | |
| **B** | **Dự toán chi ngân sách nhà nước** | | | **79.198.000** | **-79.198.000** |
| **I** | **Nguồn ngân sách trong nước** | | | **79.198.000** | **-79.198.000** |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | | | **79.198.000** | **-79.198.000** |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | | | 79.198.000 | -79.198.000 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| **2** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề** | | | | |
| 2.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **3** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | | | | |
| 3.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |